TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 02 năm 2020
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh
- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Lê Qúy Hùng
- Ông H Quang Thanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGD ngày 15/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Vạn N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Huỳnh Anh T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Anh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2014, quyển số I ngày 25/7/2014. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông T thường xuyên cờ bạc, gây ra nợ nần, bà T đi vay tiền để trả nợ. Vợ chồng không còn hòa hợp, luôn xảy ra kình cãi và xúc phạm nhau. Hai bên đều cho nhau cơ hội Nng vẫn không hàn gắn được mà cuộc sống hôn nhân ngày càng nghiêm trọng hơn. Bà T và ông T sống ly thân từ tháng 04/2019, bà T về nhà bố mẹ tại huyện Vạn N, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 02 con chung là Huỳnh Khả N sinh ngày 13/02/2017, Huỳnh Lê H sinh ngày 08/3/2015, Hiện nay cháu H đang sống với ông T tại thôn T, xã S, huyện C và cháu N đang sống với bà T tại thôn H, xã V, huyện Vạn N. Các cháu đều khỏe mạnh, khi ly hôn bà T yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và giao cháu H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2019 và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Anh T trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Ông T thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian, địa điểm kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân là bà T có quan hệ tình cảm với người khác và mối quan hệ giữa bà T và mẹ ông T không hòa hợp; bà T cũng chơi cờ bạc, từ đó vợ chồng xảy ra kình cãi. Ông T thừa nhận có nợ tiền bạc một số người và bà T có vay tiền để trả nợ. Hai bên sống ly thân từ tháng 4/2019. Hiện nay, bà T và cháu N về nhà mẹ ở huyện Vạn N sinh sống. Ông T đã cố gắng hàn gắn gia đình Nng không được.

Tại phiên tòa, ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 02 con chung là Huỳnh Khả N sinh ngày 13/02/2017, Huỳnh Lê H sinh ngày 08/3/2015. Các cháu đều phát triển khỏe mạnh. Cháu H đang học mẫu giáo, sống với ông T tại thôn T, xã S, huyện C cùng với bố mẹ và hai người anh của ông T; cháu N đang sống tại thôn H, xã V, huyện Vạn N với mẹ và anh trai bà T.

Khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu H và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con vì ông T cho rằng bà T không có nhà cửa riêng, công việc không ổn định và nợ nần Nng ông T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Huỳnh Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/12/2019, bà Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà T nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy đinh tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà T và ông T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2014, quyển số I/2014 ngày 25/7/2014; đây là hôn nhân hợp pháp.Trong quá

trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không yêu thương, tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên kình cãi, không tôn trọng, xúc phạm nhau. Bà T và ông T đã tự hòa giải Nng không giải quyết được mâu thuẫn, đến tháng 04/2019 bà T và ông T sống ly thân. Bà T xác định không còn tình cảm nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T. Tại phiên tòa, bà T vắng mặt Nng ông T tự nguyện đồng ý ly hôn với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 02 con chung là Huỳnh Khả N sinh ngày 13/02/2017, Huỳnh Lê H sinh ngày 08/3/2015. Hiện nay, cháu H đang sống với ông T; cháu N đang sống với bà T và đều phát triển khỏe mạnh. Đối với cháu N còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, đảm bảo sự phát triển lành mạnh, toàn diện, ổn định về người trực tiếp trông nom nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T và ông T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Anh T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Huỳnh Lê H sinh ngày 08/3/2015 cho ông Huỳnh Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Huỳnh Khả N sinh ngày 13/02/2017 cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Thị T, ông Huỳnh Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị T và ông Huỳnh Anh T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn Nng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007842 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã S;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh